

## TIÊU CHUẨN NGÀNH

VIỆT NAM  
DÂN CHỦ CỘNG HÒA  
TỔNG CỤC THỦY SẢN

BẢN VẼ TÀU CÁ  
KÝ HIỆU RÄNG CHỦ

ĐS THỦY SẢN  
NIÊM 01

1. Đối với các đại lượng được ghi bằng chữ trên những bản vẽ và tài liệu kỹ thuật tàu cá quy định ký hiệu như sau :

Tên gọi	Ký hiệu	Ví dụ
Chiều dài	L ; l	L = 20m ; l = 160 m
Chiều dài lớn nhất	L <sub>max</sub> ; l <sub>max</sub>	L <sub>max</sub> = 24 m
Chiều dài thiết kế	K <sub>tk</sub>	K <sub>tk</sub> = 20 m
Chiều dài hai trục	L	L = 20 m
Chiều dài đường nước	L <sub>DN</sub>	L <sub>DN</sub> = 22 m
Chiều rộng tàu	B, b	B = 5m ; b = 4,2m
Chiều rộng lớn nhất	B <sub>max</sub>	B <sub>max</sub> = 5,6 m
Chiều rộng thiết kế	B <sub>tk</sub>	B <sub>tk</sub> = 5 m
Chiều cao thân tàu	D	D = 1,8 m
Chiều cao mũi tàu	D <sub>m</sub>	D <sub>m</sub> = 1,6 m
Chiều cao đuôi tàu	D <sub>d</sub>	D <sub>d</sub> = 2,0 m
Chiều chìm thân tàu (món nước)	d	d = 1,4 m
Chiều chìm thiết kế (món nước thiết kế)	d <sub>tk</sub>	d <sub>tk</sub> = 1,8 m
Chiều chìm trung bình (món nước trung bình)	d <sub>tb</sub>	d <sub>tb</sub> = 1,2 m
Bán kính	R, r	R = 150 mm, R 30, r = 20 mm
Bán kính ôn tâm dọc	R	R = 20 m
Bán kính ôn tâm ngang	r	r = 2 m
Lực, áp suất	P, p	P = 40 tấn
Số vòng quay	n	n = 1500 v/phút
Diện tích	F	F = 50 m <sup>2</sup>
Khoảng cách sườn	K.S	

2. Những chữ hoa nên dùng để ký hiệu những kích thước  
khuôn khổ và kích thước tổng cộng.

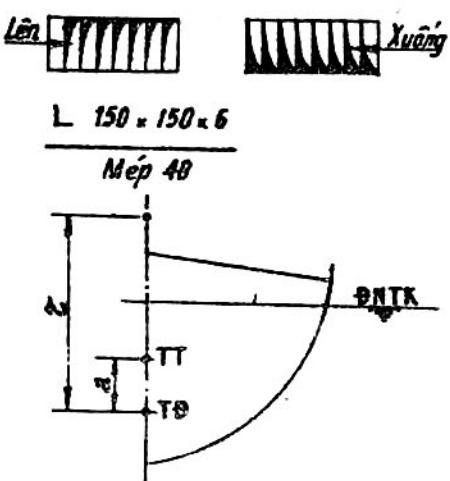
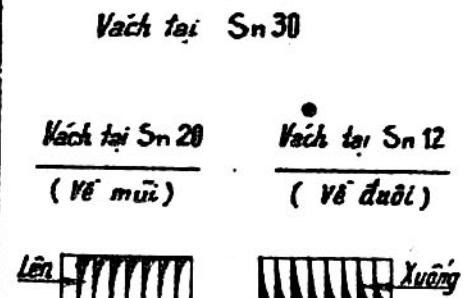
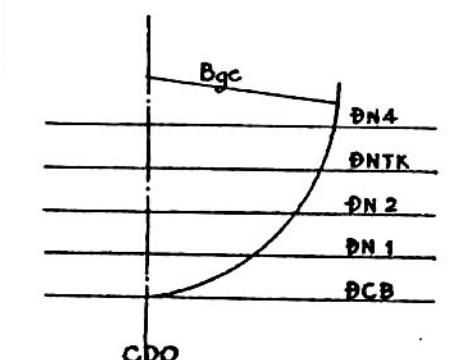
Phòng thiết kế cơ khí và tàu thuyền  
Tổng cục Thủy sản biên soạn

Tổng cục Thủy sản  
đuyệt ý ngày 25.8.1974

Cử Lập Lực  
từ ngày 1.7.1975

## TIẾP THEO

Tên gọi	Ký hiệu	Ví dụ
Diện tích mặt đường nước	S	
Thể tích	V	
Thể tích lượng chiếm nước	$\nabla$	$\nabla = 104 m^3$
Lượng chiếm nước (lượng nước đầy)	$\Delta$	$\Delta = 100 lít/l$
Vuông góc	L	
Mặt phẳng cắt dọc giữa	CDO	
Đường cơ bản	DCB	
Đường nước	DN	
Đường nước thiết kế	DNTK	
Bóng	Bg	
Bóng chính	Bgc	
Bóng trên	Bgt	
Bóng dưới	Bgd	
Bóng giữa	Bgg	
Sườn	Sn	Vách tai Sn 30
Đường chuẩn	DC	
Nhim rẽ mũi	Vẽ mũi	Nhim rẽ mũi Sn 20
Nhim rẽ đuôi	Vẽ đuôi	Nhim rẽ đuôi Sn 12
Đi lên	Lên	Lên
Đi xuống	Xuống	Xuống
Mép gấp (mẹp gấp của các thanh, các mảnh trong tàu thép)	Mép	$L 150 \times 150 \times 6$
Hộp dài tâm thép	$\delta$	Mép 48
Mặt cắt ngang giữa	$\circ\circ$	
Trung tâm	TT (G)	
Tâm dày	TD (C)	
Ôn tâm	OT (M)	
Khoảng cách từ TT đến TD	a	



Ở trong trường hợp ký hiệu nhiều đại lượng bằng nhau  
chữ thì phải thêm chữ số bằng số hay bằng chữ hoặc bằng chữ  
số phù hợp ; chữ số thứ nhất dùng cho đại lượng thứ hai, chữ số  
thứ hai dùng cho đại lượng thứ ba vv... .

Ví dụ :

$d, d_1, d_2, d_3 \dots$

$b_n, b_{n1}, b_{n2}, b_{n3} \dots$

Chú thích : Tiêu chuẩn này được xây dựng dựa trên  
TCVN 4-74 .

---